

Số: 465/BVN-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá mua sắm một
số hàng hóa.

Gia Lai, ngày 18 tháng 09 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKĐT ngày 26 tháng 04 năm 2024 Hướng dẫn về việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp ngày 17/09/2024 của Hội đồng khoa học Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai về việc thống nhất danh mục, chủ trương thực hiện mua sắm một số hàng hóa sinh phẩm y tế và hóa chất xét nghiệm;

Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm một số hàng hóa sinh phẩm y tế và hóa chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư-TBYT, Số điện thoại: (0269).3797922, Email: pvtbtyt.bvnhiql@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá (Bản gốc):

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư-TBYT Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai, Thôn 6, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai (Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi trước bản scan báo giá qua địa chỉ email nêu trên).

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 18 tháng 09 năm 2024 đến trước 17h ngày 27 tháng 09 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 09 năm 2024.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm sinh phẩm y tế và hóa chất xét nghiệm sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị), có danh mục phụ lục kèm theo

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: tại kho phòng Vật tư – Thiết bị y tế Bệnh viện nhi tỉnh Gia Lai, Thôn 6, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 120 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Như trên;

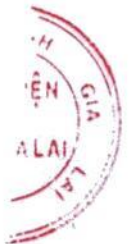
- Lưu: VT, VTTBYT;

- Lưu website Bệnh viện.

GIÁM ĐỐC



Đặng Hữu Chiến



Phụ Lục

Kèm theo yêu cầu báo giá số 465 BVN-VTTBYT ngày 18/09/2024

STT	Tên Hàng Hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất Xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Xét nghiệm dùng để đo định lượng Hemoglobin A1C trong mẫu máu toàn phần của người. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 4%- 14.5% - Ngưỡng phát hiện (LoD): 4% - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10.0 mg/mL, hemoglobin 5.0 mg/mL. - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Quy cách đóng gói: 25 Test/ Hộp	Châu Á	Test	400	Sử dụng tương thích trên máy huỳnh quang -Model: FS-205
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Xét nghiệm dùng để đo định lượng Hemoglobin A1C trong mẫu máu toàn phần của người. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 4%- 14.5% - Ngưỡng phát hiện (LoD): 4%	Châu Á	Test	75	Sử dụng tương thích trên máy huỳnh quang -Model: FS-205



		- Mẫu Phẩm: Máu toàn phần - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10.0 mg/mL, hemoglobin 5.0 mg/mL. - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Quy cách đóng gói: 25 Test/ Hộp				
3	Xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy kèm chất chuẩn	- Xét nghiệm Protein trong nước tiểu/ dịch não tủy - Phương pháp Colorimetric. Thành phần gồm Pyrogallol Red 0.06mmol/l; Succinic Acid 150mmol/l; Sodium Oxalate 0.84mmol/l; Sodium Benzoate 3.5mmol/l. Độ tuyến tính 5g/l. - Độ nhạy 0.05g/l. Độ chính xác 0.219g/l - CV1.12%. - Quy cách đóng gói: R1: 4x30ml Cal: 1x5ml	Châu Âu	Hộp	2	Sử dụng tương thích trên máy sinh hóa tự động - Model: AU-480
4	CSF Urinary Protein Control	- Chất kiểm soát protein niệu CSF, dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8°C. - Quy cách đóng gói: 2x1ml	Châu Âu	Hộp	2	Sử dụng tương thích trên máy sinh hóa tự động - Model: AU-480